

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SỐ CHO SINH VIÊN KẾ TOÁN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CHUYỂN ĐỔI SỐ

Đinh Thị Hoàng Nguyên, Diệp Tiên
Trường Cao đẳng Trần Đại Nghĩa

Tóm tắt: Bài viết tập trung phân tích yêu cầu phát triển năng lực số cho sinh viên ngành kế toán trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ tại Việt Nam. Trên cơ sở Khung năng lực số cho người học và đặc thù nghề nghiệp kế toán, nghiên cứu xác định các nhóm năng lực cốt lõi gồm khai thác dữ liệu và thông tin, giao tiếp và hợp tác số, sáng tạo nội dung số, an toàn số, giải quyết vấn đề bằng công nghệ và ứng dụng trí tuệ nhân tạo; đánh giá những kết quả đạt được, chỉ ra các hạn chế về khả năng ứng dụng công nghệ chuyên sâu và vận dụng vào thực tiễn nghề nghiệp. Từ đó, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao năng lực số cho sinh viên kế toán, góp phần đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong thời kỳ chuyển đổi số.

Từ khóa: Năng lực số; sinh viên kế toán; chuyển đổi số.

DEVELOPING DIGITAL COMPETENCIES FOR ACCOUNTING STUDENTS TO MEET THE REQUIREMENTS OF DIGITAL TRANSFORMATION

Abstract: This article examines the development of digital competencies among accounting students in the context of digital transformation in Vietnam. Drawing on the Digital Competence Framework for Learners and the professional requirements of accounting, the study identifies six core competency areas: data and information literacy, digital communication and collaboration, digital content creation, digital safety, technology-based problem solving, and the application of artificial intelligence. The article also reviews existing evidence on students' digital competencies, highlighting both the progress achieved and continuing limitations in the use of advanced technologies and their application to professional accounting tasks. Based on this analysis, several solutions are proposed to strengthen accounting students' digital competencies and enhance their readiness for the changing demands of the labor market in the digital transformation era.

Keywords: Digital competencies; accounting students; digital transformation.

Nhận bài: 25/08/2026

Phản biện: 27/09/2026

Duyệt đăng: 30/09/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trên mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, hoạt động kế toán cũng đang có những thay đổi sâu sắc dưới tác động của công nghệ số. Việc ứng dụng các phần mềm kế toán, hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo và tự động hóa quy trình đã làm thay đổi đáng kể phương thức thu thập, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin tài chính. Điều này đặt ra yêu cầu mới đối với nguồn nhân lực kế toán, không chỉ cần vững kiến thức chuyên môn mà còn phải có khả năng sử dụng hiệu quả các công cụ số, thích ứng với môi trường làm việc số và khai thác dữ liệu phục vụ quá trình ra quyết định. Đối với sinh viên ngành kế toán, kỹ năng số ngày càng trở thành một trong những năng lực thiết yếu quyết định khả năng thích ứng nghề nghiệp và sức cạnh tranh trên thị trường lao động. Tuy nhiên, trên thực tế, việc phát triển kỹ năng số cho sinh viên kế toán tại nhiều cơ sở giáo dục đại học vẫn còn những hạn chế như nội dung đào tạo chưa theo kịp sự phát triển của công nghệ, mức độ tích hợp công nghệ số vào các học phần chuyên ngành còn chưa đồng đều, cơ hội thực

hành trên các nền tảng và phần mềm kế toán hiện đại còn hạn chế. Vì vậy, nghiên cứu phát triển kỹ năng số cho sinh viên kế toán đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của doanh nghiệp trong giai đoạn hiện nay.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Khung năng lực số của sinh viên kế toán trong bối cảnh chuyển đổi số

Theo Theo Khoản 11, Điều 2, Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, “Năng lực số là khả năng sử dụng công nghệ số để hoàn thành nhiệm vụ cụ thể hoặc để giải quyết vấn đề trong thực tiễn” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025). Khung năng lực số cho người học gồm 6 miền năng lực, 24 năng lực thành phần, được phân thành 4 trình độ với 8 bậc. Trên cơ sở khung này và đặc thù nghề nghiệp kế toán, năng lực số của sinh viên kế toán có thể được xác định theo sáu nhóm chủ yếu sau:

(1) Năng lực khai thác dữ liệu và thông tin kế toán: Sinh viên cần có khả năng tìm kiếm, đánh giá, quản lý và khai thác dữ liệu số; thu thập chứng

từ và thông tin tài chính; kiểm tra độ chính xác, đầy đủ và tin cậy của dữ liệu. Đồng thời, sinh viên cần biết sử dụng bảng tính, cơ sở dữ liệu, phần mềm kế toán và các công cụ phân tích để chuyển dữ liệu thành thông tin phục vụ hạch toán, lập báo cáo và hỗ trợ ra quyết định.

(2) Năng lực giao tiếp và hợp tác trong môi trường số: Năng lực này thể hiện ở khả năng trao đổi dữ liệu, chứng từ và báo cáo qua các nền tảng số; phối hợp trực tuyến với đồng nghiệp và các bộ phận liên quan; sử dụng công cụ làm việc nhóm, hệ thống quản trị và lưu trữ đám mây. Bên cạnh đó, sinh viên cần bảo đảm tính chuyên nghiệp, chính xác và trách nhiệm trong chia sẻ thông tin tài chính, đặc biệt là yêu cầu bảo mật dữ liệu của doanh nghiệp, khách hàng và đối tác.

(3) Năng lực sáng tạo nội dung số phục vụ hoạt động kế toán: Sinh viên cần có khả năng xây dựng bảng biểu, báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, biểu đồ và các sản phẩm dữ liệu số; tích hợp dữ liệu từ nhiều nguồn; sử dụng hàm, công thức, truy vấn và công cụ tự động hóa để xử lý nghiệp vụ. Ở mức độ phù hợp, sinh viên cần được tiếp cận các công cụ trực quan hóa dữ liệu, cơ sở dữ liệu và tự động hóa các tác vụ kế toán lặp lại.

(4) Năng lực bảo đảm an toàn trong môi trường số: Do dữ liệu kế toán gắn với thông tin tài chính và bí mật kinh doanh, sinh viên cần có khả năng bảo vệ thiết bị, dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư; quản lý mật khẩu, phân quyền truy cập, sao lưu dữ liệu và nhận diện các nguy cơ mất an toàn thông tin. Việc xử lý dữ liệu số phải đồng thời tuân thủ các yêu cầu về bảo mật, quyền riêng tư và đạo đức nghề nghiệp.

(5) Năng lực giải quyết vấn đề bằng công nghệ số: Sinh viên cần biết nhận diện và xử lý các lỗi thông thường của phần mềm, bảng tính và dữ liệu; lựa chọn công cụ phù hợp với từng nghiệp vụ; ứng dụng công nghệ để tối ưu hóa các quy trình hạch toán, đối chiếu, kiểm tra và lập báo cáo. Mục tiêu là chuyển từ mức độ “biết sử dụng phần mềm” sang khả năng lựa chọn, kết hợp và khai thác công nghệ để giải quyết các vấn đề kế toán thực tiễn.

(6) Năng lực ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kế toán: Sinh viên cần có hiểu biết về AI, bao gồm AI tạo sinh; biết sử dụng AI để hỗ trợ phân loại dữ liệu, xử lý chứng từ, tra cứu quy định, phân tích dữ liệu tài chính và xây dựng báo cáo. Đồng thời, người học phải có khả năng kiểm chứng kết

quả do AI tạo ra, nhận diện sai lệch, bảo đảm tính chính xác, bảo mật và tuân thủ pháp luật, đồng thời nhận thức rõ trách nhiệm chuyên môn cuối cùng vẫn thuộc về con người.

Như vậy, khung năng lực số của sinh viên kế toán gồm sáu nhóm: khai thác dữ liệu và thông tin; giao tiếp và hợp tác số; sáng tạo nội dung số; an toàn và bảo mật số; giải quyết vấn đề bằng công nghệ số; và ứng dụng trí tuệ nhân tạo. Việc cụ thể hóa Khung năng lực số cho người học theo đặc thù nghề kế toán tạo cơ sở cho xây dựng chuẩn đầu ra, thiết kế nội dung đào tạo và đánh giá năng lực số của sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số.

2.2. Thực trạng năng lực số của sinh viên kế toán trong bối cảnh chuyển đổi số

Những kết quả đạt được

Trong những năm gần đây, quá trình chuyển đổi số trong giáo dục đại học và sự thay đổi nhanh chóng của nghề kế toán dưới tác động của trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây và tự động hóa đã thúc đẩy các cơ sở đào tạo và sinh viên kế toán quan tâm nhiều hơn đến phát triển năng lực số. Sinh viên kế toán đã hình thành được nền tảng năng lực số cơ bản và khả năng sử dụng những công nghệ phổ biến trong nghề nghiệp. Đây là kết quả đáng ghi nhận trong quá trình thích ứng với chuyển đổi số. Nghiên cứu của Phạm Trà Lam và cộng sự về năng lực số trong lĩnh vực kế toán tại Việt Nam, với 278 người tham gia, trong đó có 145 sinh viên kế toán và 133 người đang hành nghề, cho thấy năng lực số của sinh viên đã đạt mức trung bình; đặc biệt, sinh viên có mức hiểu biết tương đối tốt đối với phần mềm kế toán, phần mềm kế toán đám mây và hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP) (Tra Lam Phạm và cộng sự, 2025). Đáng chú ý, kết quả nghiên cứu còn cho thấy sinh viên có năng lực số tổng thể cao hơn nhóm người hành nghề trong mẫu khảo sát, phản ánh lợi thế nhất định của thế hệ sinh viên trẻ trong việc tiếp cận và thích ứng với công nghệ mới.

Nhận thức của sinh viên về vai trò của kỹ năng số đối với nghề kế toán đã có sự chuyển biến tích cực. Sinh viên ngày càng nhận thức rằng năng lực nghề nghiệp kế toán không còn chỉ bao gồm kiến thức hạch toán, lập báo cáo và pháp luật về thuế mà phải gắn với khả năng khai thác công nghệ. Nghiên cứu của Trần Thị Ánh Hồng và Hồ Thiện Quyền (2025), với 433 mẫu gồm sinh viên, giảng

viên, kế toán viên và nhà tuyển dụng cho thấy trong tám nhóm kỹ năng được xem xét, kỹ năng số được xếp ở vị trí ưu tiên cao nhất, trước kỹ năng đạo đức, kỹ năng chuyên môn, tư duy phản biện và giải quyết vấn đề. Kết quả này cho thấy kỹ năng số đã được nhìn nhận như một bộ phận trung tâm của năng lực nghề nghiệp kế toán trong giai đoạn mới.

Mức độ sẵn sàng thích ứng với môi trường kế toán số của một bộ phận sinh viên tương đối tích cực. Khảo sát 200 sinh viên và sinh viên mới tốt nghiệp ngành kế toán của Trường Đại học Lạc Hồng năm 2024 cho thấy bốn yếu tố gồm năng lực số, nhận thức về tính hữu ích, nhận thức về tính dễ sử dụng của công nghệ và kiến thức chuyên môn đều tác động tích cực đến mức độ sẵn sàng của sinh viên trước yêu cầu chuyển đổi số (Tiên, 2025). Điều này cho thấy sinh viên không hoàn toàn thụ động trước sự thay đổi của nghề nghiệp mà đã có xu hướng chủ động tiếp nhận công nghệ, đặc biệt khi nhận thấy công nghệ giúp nâng cao hiệu quả học tập và công việc.

Khả năng tiếp cận các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu và các nền tảng số của sinh viên đang từng bước được mở rộng. Một nghiên cứu năm 2026 đối với 326 sinh viên kế toán - kiểm toán tại các trường đại học ở Hà Nội cho thấy khả năng thích ứng nghề nghiệp của sinh viên trong kỷ nguyên AI có thể được nhận diện thông qua nhiều nhóm kỹ năng liên quan đến công nghệ và chuyển đổi số. Kết quả này phản ánh xu hướng sinh viên đã bắt đầu chuyển từ việc chỉ sử dụng các công cụ văn phòng thông thường sang tiếp cận AI và các ứng dụng công nghệ phục vụ học tập, xử lý thông tin và công việc kế toán.

Những hạn chế, tồn tại

Bên cạnh những kết quả tích cực, năng lực số của sinh viên kế toán vẫn bộc lộ những hạn chế đáng chú ý.

Thứ nhất, năng lực số nhìn chung mới chủ yếu ở mức trung bình, chưa đạt mức thành thạo đối với nhiều công nghệ chuyên sâu. Nghiên cứu của Phạm Trà Lam (2025) và cộng sự cho thấy sinh viên hiểu tốt hơn về phần mềm kế toán, ERP và phần mềm kế toán đám mây, nhưng các công nghệ như cơ sở dữ liệu quan hệ, ngôn ngữ lập trình, XBRL, công cụ hỗ trợ kiểm toán bằng máy tính, blockchain, trí tuệ nhân tạo và phân tích dữ liệu lớn vẫn là những nội dung cần được tiếp tục tăng cường. Như vậy, khả năng “sử dụng công nghệ”

của sinh viên hiện còn nghiêng về khai thác các phần mềm có sẵn hơn là phân tích, tích hợp và làm chủ công nghệ.

Thứ hai, còn tồn tại khoảng cách giữa năng lực được đào tạo và yêu cầu thực tế của nghề nghiệp. Việc nghiên cứu 433 bên liên quan cho thấy có những khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa sinh viên, giảng viên, kế toán viên và nhà tuyển dụng trong đánh giá tầm quan trọng của một số kỹ năng. Điều này phản ánh nguy cơ sinh viên tự đánh giá hoặc ưu tiên kỹ năng chưa hoàn toàn trùng khớp với yêu cầu của doanh nghiệp, nhất là trong các lĩnh vực phân tích dữ liệu, kiểm soát hệ thống thông tin, công nghệ số và giải quyết vấn đề.

Thứ ba, năng lực vận dụng công nghệ vào giải quyết các nghiệp vụ kế toán thực tiễn còn hạn chế. Sinh viên có thể biết sử dụng Excel, phần mềm kế toán hoặc các công cụ AI, nhưng việc kết hợp chúng để xử lý bộ dữ liệu lớn, phát hiện sai lệch, phân tích tài chính, tự động hóa quy trình, kiểm tra chứng từ hay hỗ trợ ra quyết định vẫn chưa đồng đều. Chính nghiên cứu về năng lực số trong kế toán tại Việt Nam kiến nghị công nghệ thông tin và truyền thông cần được tích hợp vào chương trình đào tạo như một năng lực cốt lõi, thay vì chỉ được xem là kỹ năng hỗ trợ.

Thứ tư, năng lực sử dụng AI và công nghệ số một cách có trách nhiệm, an toàn và có khả năng kiểm chứng vẫn cần được củng cố. Việc sinh viên ngày càng sử dụng AI tạo sinh trong học tập tạo ra nhiều cơ hội nhưng cũng đặt ra yêu cầu về kiểm tra độ chính xác của thông tin, bảo mật dữ liệu kế toán, quyền riêng tư, đạo đức nghề nghiệp và khả năng nhận diện sai lệch do AI tạo ra. Đối với ngành kế toán, hạn chế này đặc biệt đáng lưu ý bởi sai sót trong xử lý dữ liệu số có thể trực tiếp ảnh hưởng đến độ tin cậy của thông tin tài chính.

2.3. Giải pháp phát triển năng lực số của sinh viên kế toán đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số ở Việt Nam hiện nay

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang làm thay đổi sâu sắc phương thức tổ chức và vận hành của hoạt động kế toán, phát triển năng lực số cho sinh viên kế toán cần được xem là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của các cơ sở giáo dục đại học. Để sinh viên có khả năng thích ứng với môi trường nghề nghiệp ngày càng dựa nhiều vào dữ liệu, tự động hóa và trí tuệ nhân tạo, cần triển khai đồng bộ các giải pháp sau:

Một là, hoàn thiện chuẩn đầu ra năng lực số của sinh viên kế toán theo hướng gắn với Khung năng lực số cho người học và yêu cầu nghề nghiệp. Các cơ sở đào tạo cần cụ thể hóa năng lực số thành các chuẩn đầu ra có thể đo lường, bao gồm năng lực khai thác dữ liệu, giao tiếp và hợp tác số, sáng tạo nội dung số, bảo đảm an toàn dữ liệu, giải quyết vấn đề bằng công nghệ và sử dụng trí tuệ nhân tạo có trách nhiệm. Chuẩn đầu ra không nên dừng ở yêu cầu “biết sử dụng phần mềm kế toán” mà phải tiến tới khả năng lựa chọn công nghệ, khai thác dữ liệu, kiểm tra kết quả và vận dụng công nghệ vào giải quyết các nghiệp vụ kế toán thực tiễn. Trên cơ sở đó, nhà trường cần xây dựng ma trận liên kết giữa chuẩn đầu ra năng lực số với từng học phần trong chương trình.

Hai là, đổi mới chương trình đào tạo theo hướng tích hợp công nghệ số vào các học phần chuyên ngành kế toán. Năng lực số chỉ có thể hình thành bền vững khi công nghệ được tích hợp xuyên suốt chương trình thay vì bố trí thành một vài học phần tin học riêng biệt. Trong các môn kế toán tài chính, kế toán quản trị, kiểm toán, thuế, phân tích tài chính hay hệ thống thông tin kế toán, sinh viên cần được thực hành trực tiếp trên dữ liệu số và phần mềm chuyên ngành. Chương trình cần tăng cường nội dung về hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp, kế toán đám mây, trực quan hóa dữ liệu, phân tích dữ liệu, tự động hóa quy trình và ứng dụng trí tuệ nhân tạo. Qua đó, sinh viên hình thành năng lực kết hợp giữa kiến thức chuyên môn và công nghệ, thay vì coi công nghệ là kỹ năng bổ trợ bên ngoài nghề nghiệp.

Ba là, tăng cường đào tạo kỹ năng khai thác và phân tích dữ liệu kế toán. Trong môi trường số, giá trị của người làm kế toán ngày càng chuyển từ nhập liệu và ghi chép sang phân tích, kiểm soát và hỗ trợ ra quyết định. Vì vậy, sinh viên cần được rèn luyện khả năng xử lý bộ dữ liệu lớn, làm sạch dữ liệu, đối chiếu thông tin, phát hiện sai lệch và trình bày kết quả phân tích. Nhà trường có thể tăng cường thực hành trên bảng tính nâng cao, phần mềm phân tích dữ liệu, công cụ trực quan hóa, cơ sở dữ liệu và các hệ thống báo cáo thông minh. Cần thiết kế các bài tập tình huống yêu cầu sinh viên xử lý toàn bộ chu trình từ thu thập dữ liệu, kiểm tra dữ liệu đến phân tích và lập báo cáo, qua đó nâng cao khả năng sử dụng dữ liệu để giải quyết vấn đề kế toán.

Bốn là, đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong đào tạo kế toán gắn với yêu cầu đạo đức và kiểm chứng thông tin. Các cơ sở giáo dục không nên chỉ hạn chế việc sử dụng AI mà cần hướng dẫn sinh viên sử dụng công nghệ này đúng mục đích. Sinh viên cần được trang bị kỹ năng đặt câu lệnh, sử dụng AI để hỗ trợ tra cứu, phân loại chứng từ, phân tích dữ liệu, tổng hợp thông tin và xây dựng báo cáo. Tuy nhiên, cùng với đó phải hình thành khả năng kiểm chứng kết quả, nhận diện thông tin sai lệch, bảo vệ dữ liệu và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp. Trong lĩnh vực kế toán, AI chỉ nên đóng vai trò công cụ hỗ trợ; trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của thông tin tài chính vẫn thuộc về con người. Vì vậy, năng lực tư duy phản biện khi sử dụng AI phải được coi là một bộ phận của năng lực số.

Năm là, đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tăng cường thực hành, mô phỏng và giải quyết tình huống số. Giảng dạy năng lực số không thể đạt hiệu quả nếu chủ yếu dựa vào thuyết trình lý thuyết. Các học phần cần tăng cường phương pháp học tập dựa trên dự án, bài tập tình huống, mô phỏng quy trình kế toán doanh nghiệp và giải quyết vấn đề thực tế. Có thể xây dựng các tình huống như xử lý bộ chứng từ điện tử, lập báo cáo trên phần mềm, phân tích sai lệch dữ liệu, kiểm tra giao dịch bất thường hoặc ứng dụng AI hỗ trợ lập báo cáo quản trị. Việc học thông qua tình huống thực tế giúp sinh viên hình thành đồng thời kỹ năng số, kỹ năng chuyên môn, tư duy phản biện và khả năng giải quyết vấn đề.

Sáu là, tăng cường liên kết giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp và các nhà cung cấp giải pháp công nghệ kế toán. Đây là giải pháp quan trọng nhằm thu hẹp khoảng cách giữa năng lực sinh viên và yêu cầu thực tiễn. Nhà trường cần hợp tác với doanh nghiệp kế toán, kiểm toán, ngân hàng, công ty công nghệ và các doanh nghiệp sử dụng hệ thống ERP để xây dựng học liệu, tổ chức thực tập, tham quan, đào tạo ngắn hạn và chia sẻ dữ liệu mô phỏng. Doanh nghiệp có thể tham gia góp ý chuẩn đầu ra, cập nhật công nghệ mới và đánh giá năng lực thực hành của sinh viên. Đồng thời, việc hợp tác với các nhà cung cấp phần mềm giúp sinh viên có cơ hội tiếp cận sớm với các nền tảng đang được sử dụng trong thực tế.

Bảy là, nâng cao năng lực số của giảng viên và xây dựng môi trường học tập số đồng bộ. Giảng

viên là nhân tố quyết định chất lượng phát triển năng lực số cho sinh viên. Vì vậy, cần thường xuyên bồi dưỡng cho giảng viên về phần mềm kế toán, phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, phương pháp giảng dạy số và an toàn thông tin. Bên cạnh đó, các trường cần đầu tư phòng thực hành, hệ thống phần mềm, cơ sở dữ liệu mô phỏng, nền tảng học tập trực tuyến và tài nguyên số. Việc đánh giá năng lực sinh viên cũng cần chuyển từ kiểm tra kiến thức sang đánh giá khả năng thực hiện nhiệm vụ trên môi trường số, thông qua sản phẩm số, dự án, bài thực hành và tình huống nghề nghiệp.

III. KẾT LUẬN

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang làm thay đổi sâu sắc phương thức tổ chức và thực hiện công tác kế toán, phát triển năng lực số cho sinh viên kế toán trở thành yêu cầu cấp thiết nhằm

nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và khả năng thích ứng nghề nghiệp. Năng lực số của sinh viên kế toán không chỉ bao gồm khả năng sử dụng phần mềm và công cụ công nghệ mà còn thể hiện ở năng lực khai thác dữ liệu, giao tiếp và hợp tác số, bảo đảm an toàn thông tin, giải quyết vấn đề và ứng dụng trí tuệ nhân tạo một cách có trách nhiệm. Thực tiễn cho thấy sinh viên đã có những chuyển biến tích cực về nhận thức và kỹ năng số, song vẫn còn hạn chế về khả năng ứng dụng công nghệ chuyên sâu và xử lý các tình huống nghề nghiệp thực tế. Vì vậy, cần triển khai đồng bộ các giải pháp về chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, đội ngũ giảng viên, hạ tầng số và liên kết doanh nghiệp nhằm hình thành năng lực số toàn diện cho sinh viên kế toán.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2025). Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 quy định khung năng lực số cho người học. Hà Nội.
- Tiên, L. T., Hoàng Thị Quỳnh, A., Trần Anh, P., Đỗ Thị Anh, T., & Kiều Văn, D. (2025). 7. Sự sẵn sàng của sinh viên chuyên ngành kế toán trường đại học lạc hồng trước yêu cầu của chuyển đổi số. *Tạp Chí Khoa học Lạc Hồng*, 1(23), 40-48.
- Tra Lam Pham. Thi Phuong Thanh Tran. Thi Kim Thoa Dau. Anh Hoa Tran. (2025). The determinants of digital competencies in accounting: an empirical study in Vietnam. Vol. 15, Issue 2.
- Trần Thị Ánh Hồng và Hồ Thiện Quyền. (2025). Kỹ năng cần thiết của sinh viên kế toán trong thời đại công nghệ số: nhận thức từ các bên liên quan. *Tạp chí Giáo dục*, 25 (đặc biệt 8), 466-473.